

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị thông qua dự kiến Kế hoạch Đầu tư công nguồn vốn
ngân sách Trung ương năm 2023 tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Văn bản số 5035/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2023, với những nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn Ngân sách trung ương

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt về công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công¹.

UBND tỉnh đã giao vốn từ sớm để các chủ đầu tư chủ động thực hiện và giải ngân vốn năm 2022²; Đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 (dự án trọng điểm của tỉnh). Thành lập 03 Tổ công tác của

¹ Đã tổ chức các hội nghị bàn biện pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư và có 6 văn bản chỉ đạo, đốc thúc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

² Tổng số vốn được giao là 2.531.706 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương trong nước 1.744.526 triệu đồng (bỏ trừ cho dự án trọng điểm, có tính chất liên vùng 800.000 triệu đồng), vốn nước ngoài 787.180 triệu đồng.

UBND tỉnh do 03 đồng chí Phó Chủ tịch làm Tổ trưởng để kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án đầu tư công chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh, nhờ đó đã có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư trong công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương đến 31/8/2022 là 30%, trong đó nguồn NSTW trong nước là 41%, nguồn vốn ODA là 8,3%.

Việc giải ngân thấp các tháng đầu năm do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan như: (i) kế hoạch vốn 2022 phân bổ cho nhiều dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư³ nên các tháng đầu năm đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (ii) Công tác giải phóng mặt bằng của một số dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; (iii) Giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến ảnh hưởng đến việc thực hiện các hợp đồng xây dựng và có hiện tượng nhà thầu thi công cầm chừng làm chậm tiến độ công trình, dự án; (iv) Thời gian thực hiện các hồ sơ, thủ tục còn dài (các thủ tục liên quan ở các Bộ, ngành Trung ương chuyển đổi đất rừng, đất lúa, ĐTM); (v) Một số dự án ODA kết thúc trong năm kế hoạch⁴ phải bố trí đủ nguồn vốn còn lại theo kế hoạch trung hạn đã giao cho dự án, do tiến độ các dự án này triển khai các năm trước chậm nên số vốn giao năm cuối thường rất lớn; (vi) một số chủ đầu tư thiếu kinh nghiệm, đơn vị quản lý dự án thiếu năng lực dẫn đến công tác điều hành còn lúng túng, tiến độ thi công chậm,...

Trong các tháng cuối năm, UBND tỉnh sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo, giải quyết các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, phấn đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn năm 2022 được giao.

II. Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công nguồn NSTW năm 2023

1. Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết:

Theo quy định tại Điều 56, Luật Đầu tư công năm 2019 về Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hàng năm, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao kế hoạch đầu tư công năm 2023, do đó việc HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn NSTW nhằm hoàn thiện trình tự, thủ tục lập kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định đúng quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2023

- Việc bố trí vốn năm 2023 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của

3 Năm 2022, tỉnh Quảng Bình có 75 dự án khởi công mới với số vốn bố trí là 999.599 triệu đồng; bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho 89 dự án, với số vốn bố trí 81.640 triệu đồng; tổng vốn bố trí cho dự án chuẩn bị đầu tư và khởi công mới là 1.048.143 triệu đồng

4 Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), Dự án Môi trường bền vững các TP duyên hải (WB), Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với BĐKH TP Đồng Hới

Thủ tướng Chính phủ;

- Danh mục dự án dự kiến bố trí vốn ngân sách trung ương năm 2023 phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã trình HĐND tỉnh thông qua và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2023.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2022 và dự kiến giải ngân năm 2022 (bao gồm số vốn đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trong năm 2022).

- Phương án dự kiến phân bổ vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2023;

+ Bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp bố trí theo tiến độ được phê duyệt;

3. Dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2023

Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương năm 2023 dự kiến là **1.852.685 triệu đồng**. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được giao⁵, nguyên tắc phân bổ nêu trên và đề xuất của các chủ đầu tư, UBND tỉnh đề xuất dự kiến phương án phân bổ như sau:

3.1 Vốn trong nước:

Tổng mức vốn dự kiến đầu tư theo ngành, lĩnh vực năm 2023 là **1.451.735 triệu đồng**, UBND tỉnh dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí cho các dự án hoàn thành năm 2023 (khởi công năm 2020, hoàn thành năm 2023): bố trí 100% kế hoạch trung hạn đã giao cho 2 dự án theo đúng tiến độ quy định⁶.

- Bố trí vốn đối ứng ODA: 21.620 triệu đồng⁷.

- Bố trí các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt, cụ thể:

+ Các dự án chuyển tiếp (khởi công năm 2021, hoàn thành năm 2024): bố trí đến năm 2022 đạt 75% kế hoạch đầu tư công trung hạn đã giao cho dự án (75% tổng mức đầu tư dự án)⁸.

⁵ Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao là 7.935.780 triệu đồng, trong đó đã giao các năm 2021, 2022 là 3.478.512 triệu đồng, dự kiến bố trí vốn năm 2023 là 1.852.685 triệu đồng, như vậy tính đến hết năm 2023, dự kiến bố trí đạt 67,2% kế hoạch đầu tư công trung hạn

⁶ Dự án Kè biển Hải Thành- Quang Phú và Dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1).

⁷ Trong đó: Bố trí vốn đối ứng cho các dự án dự kiến kết thúc năm 2023 là 16.620 triệu đồng; Bố trí vốn đối ứng cho các dự án chuyển tiếp là 5.000 triệu đồng

⁸ Riêng đối với dự án Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm Thành phố Đông Hới, chủ đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, dự kiến hoàn thành năm 2023, vì vậy, năm 2023 đề xuất bố trí hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã được giao cho dự án.

+ Các dự án chuyển tiếp (khởi công mới năm 2022, hoàn thành năm 2025): bố trí đến năm 2023 đạt 50% kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã được giao cho dự án (50% tổng mức đầu tư dự án)⁹.

- Bố trí vốn cho dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình): 440.000 triệu đồng¹⁰.

3.2 Vốn nước ngoài

Tổng vốn nước ngoài năm 2023 là **400.950 triệu đồng**, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguyên tắc và tiêu chí phân bổ, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí hết vốn cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2023: 232.718 triệu đồng.
- Bố trí vốn cho 04 dự án chuyển tiếp: 168.232 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo)

4. Các ý kiến giải trình khác:

Theo quy định của Luật Đầu tư công, HĐND tỉnh có thẩm quyền thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023, số vốn kế hoạch năm 2023 trình tại Nghị quyết này chỉ là số dự kiến (trên cơ sở danh mục dự án và số vốn đã được thông qua tại kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025) và có thể thay đổi vì hiện nay chưa có số thông báo kế hoạch vốn năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ số thông báo kế hoạch vốn chính thức năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tình hình triển khai thực tế của các dự án trong các tháng cuối năm, UBND tỉnh sẽ cân đối bố trí kế hoạch năm 2023 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí đã trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khoá XVIII xem xét, cho ý kiến để UBND tỉnh có cơ sở báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở: KHĐT, Y tế;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

⁹ Riêng đối với dự án Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng là dự án nhóm B chuyển tiếp năm thứ 2, dự án này có 7 dự án thành phần thì có 6 dự án thành phần nhóm C, chỉ 1 dự án thành phần nhóm B. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hồ đập vì: (i) các dự án sửa chữa hồ đập có tính chất đặc thù ảnh hưởng bởi mưa lũ; (ii) dự án thành phần nhóm C thì thời gian bố trí vốn ngắn hơn (3 năm) nên UBND tỉnh đề xuất năm 2023 bố trí 6 dự án nhóm C đạt 70% kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao (70% tổng mức đầu tư), 01 dự án nhóm B đạt 50% kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao (50% tổng mức đầu tư)

¹⁰ Trong đó dự án Đường ven biển 240.000 triệu đồng; dự án Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu 200.000 triệu đồng.

Phụ lục 01

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 156/Tr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28
	TỔNG SỐ						7.073.142	6.223.142	1.963.833	1.663.833	1.056.459	853.059	1.989.533	1.689.533	2.516.723	2.166.627	6.016.129	2.603.923	1.430.115	
A	NGÀNH GIAO THÔNG						5.917.307	5.097.307	1.729.233	1.429.233	930.160	726.760	1.734.933	1.434.933	2.222.123	1.872.027	4.930.294	2.247.123	1.060.280	
I	Thực hiện dự án																			
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																			
1	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm Thành phố Đồng Hới	B	Đồng Hới		2021-2024	2346/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	100.000	100.000	39.000	39.000	30000	30000	39.000	39.000	69.900	69.900	100.000	69.900	30.100	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																			
a	Dự án nhóm A																			
1	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	A	Toàn tỉnh		2021-2026															
-	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	A	Toàn tỉnh		2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	2.200.000	1.650.000	950.000	700.000	312192	312192	950.000	700.000	1.206.983	906.887	1.962.987	1.206.983	240.000	
-	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	A	Toàn tỉnh		2021-2026		1.300.000	1.050.000	150.000	100.000	5.500	5.500	150.000	100.000	150.000	100.000	550.000	150.000	200.000	
b	Dự án nhóm B																			
1	Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	B	Minh Hóa		2021-2024	2254/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	15.000	15.000	30.900	30.900	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000	
2	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	B	Quảng Ninh		2021-2024	2364/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	23200	23200	29.000	29.000	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000	
3	Đường từ Tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1).	B	Bố Trạch		2021-2024	2402/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	18.000	18.000	30.900	30.900	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000	
4	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	B	Ba Đồn		2021-2024	2315/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	17.400	17.400	30.900	30.900	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000	
5	Đường nối từ Quốc lộ 1A đến Quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	B	Lệ Thủy		2021-2024	2318/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	210.000	210.000	70.917	70.917	38.323	38.323	70.917	70.917	104.746	104.746	210.000	104.746	52.754	
6	Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A.	B	Quảng Trạch		2021-2024	2319/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	210.000	210.000	63.100	63.100	44.170	44.170	63.100	63.100	104.778	104.778	210.000	104.778	52.722	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28				
7	Tuyến đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hòa	B	Tuyên Hòa		2021-2024	2314/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	170.000	170.000	54.000	54.000	43.963	43.963	54.000	54.000	84.900	84.900	170.000	84.900	42.600					
8	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	B	Đồng Hới		2022-2025	4292/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	160.000	160.000	25.600	25.600	20.480	20.480	25.600	25.600	25.600	25.600	160.000	25.600	54.400					
9	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới	B	Đồng Hới		2022-2025	4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	200.000	200.000	42.000	42.000	5.000	5.000	42.000	42.000	42.000	42.000	200.000	42.000	58.000					
10	Tuyến đường kết nối từ đường ven biển đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, huyện Bố Trạch	B	Bố Trạch		2022-2025	4560/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	180.000	180.000	38.800	38.800	28.500	28.500	38.800	38.800	38.800	38.800	180.000	38.800	51.200					
11	Cầu Lộ Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	B	Lệ Thủy		2022-2025	4463/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	140.000	140.000	29.400	29.400	22.400	22.400	29.400	29.400	29.400	29.400	140.000	29.400	40.600					
12	Hạ tầng tuyến đường chính từ Trung tâm huyện Quảng Trạch kết nối với Tỉnh lộ 22	B	Quảng Trạch		2022-2025	4086/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	110.000	110.000	17.600	17.600	15.840	15.840	17.600	17.600	17.600	17.600	110.000	17.600	37.400					
13	Hạ tầng Tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	B	Ba Đồn		2022-2025	3738/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	130.000	110.000	17.600	17.600	12.672	12.672	17.600	17.600	17.600	17.600	130.000	17.600	37.400					
14	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng tuyến đường tỉnh lộ 559 đoạn từ xã Quảng Lộc đi xã Quảng Tiến, thị xã Ba Đồn	B	Ba Đồn		2022-2025	3743/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	100.000	100.000	41.000	41.000	11.520	11.520	41.000	41.000	16.000	16.000	100.000	41.000	19.667	9.000				
15	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	B	Đồng Hới, Quảng Ninh		2022-2025	4629/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	150.000	49.000	49.000	40.000	40.000	49.000	49.000	49.000	49.000	150.000	49.000	26.000					
16	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	B	Quảng Ninh		2022-2025	506/QĐ-UBND ngày 24/2/2022	157.307	157.307	25.216	25.216	226.000	22.600	25.216	25.216	25.216	25.216	157.307	25.216	53.438					
B	NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỄM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						350.000	350.000	93.200	93.200	63.459	63.459	113.200	113.200	153.200	153.200	310.000	191.400	105.400					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																							
	Dự án nhóm B																							
1	Kê biên Hải Thành-Quang Phú, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 2)	B	Đồng Hới		2020-2023	1833/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	100.000	100.000	15.000	15.000	10.000	10.000	35.000	35.000	75.000	75.000	60.000	35.000	25.000					
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
1	Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	B	Toàn tỉnh		2022-2025		250.000	250.000	78.200	78.200	53.459	53.459	78.200	78.200	78.200	78.200	250.000	78.200	80.400					
-	Dự án thành phần 1: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dổi, xã Trung Hòa, huyện Minh Hóa	C	Minh Hóa		2022-2025	4625/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	85.000	85.000	22.700	22.700	6.200	6.200	22.700	22.700	22.700	22.700	85.000	22.700	19.800					

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2022						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28	
-	Dự án thành phần 2: Sửa chữa hồ Nước Sốt và hồ Khe Mái huyện Quảng Trạch		Quảng Trạch		2022-2024	4563/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	30.000	30.000	10.000	10.000	8.600	8.600	10.000	10.000	10.000	10.000	30.000	10.000	11.000		
-	Dự án thành phần 3: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê, đập Hới Trường, thị xã Ba Đồn		Ba Đồn		2022-2024	4626/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	25.000	25.000	8.500	8.500	6.120	6.120	8.500	8.500	8.500	8.500	25.000	8.500	9.000		
-	Dự án thành phần 4: Sửa chữa, nâng cấp 02 hồ Bầu Trạng xã Cự Nẫm và Trọt Hóp xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch		Bố Trạch		2022-2024	4634/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	21.000	21.000	7.300	7.300	6.500	6.500	7.300	7.300	7.300	7.300	21.000	7.300	7.000		
-	Dự án thành phần 5: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Nghê, huyện Bố Trạch		Bố Trạch		2022-2024	4297/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	30.000	30.000	10.000	10.000	8.339	8.339	10.000	10.000	10.000	10.000	30.000	10.000	12.000	10.000	
-	Dự án thành phần 6: Sửa chữa, nâng cấp hồ Điều Gà và hồ Long Đại (hồ Trờm), huyện Quảng Ninh		Quảng Ninh		2022-2024	4300/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	30.000	30.000	10.000	10.000	8.000	8.000	10.000	10.000	10.000	10.000	30.000	10.000	11.000		
-	Dự án thành phần 7: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ chứa nước Cổ Hụ, Ô Rô và Văn Minh, huyện Lệ Thủy		Lệ Thủy		2022-2024	4378/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	29.000	29.000	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	29.000	9.700	10.600		
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA						35.835	35.835	8.000	8.000	1.000	1.000	8.000	8.000	8.000	8.000	35.835	8.000	27.835		
I	Thực hiện dự án																				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																				
a	Dự án nhóm B																				
1	Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn 1	C	Lệ Thủy		2020-2023	1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; 1999/QĐ-UBND ngày 16/6/2020; 4298/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	35.835	35.835	8.000	8.000	1.000	1.000	8.000	8.000	8.000	8.000	35.835	8.000	27.835		
D	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						150.000	150.000	24.000	24.000	18.080	18.080	24.000	24.000	24.000	24.000	150.000	24.000	51.000		
I	Thực hiện dự án																				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																				
	Dự án nhóm B																				
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	B	Đồng Hới		2022-2025	4301/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	150.000	150.000	24.000	24.000	18.080	18.080	24.000	24.000	24.000	24.000	150.000	24.000	51.000		
E	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH						290.000	260.000	41.600	41.600	24.000	24.000	41.600	41.600	41.600	41.600	260.000	41.600	88.400		
I	Thực hiện dự án																				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																				
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	B	Đồng Hới		2022-2025	4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	240.000	210.000	33.600	33.600	22.500	22.500	33.600	33.600	33.600	33.600	210.000	33.600	71.400		
2	Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	B	Tuyên Hóa		2022-2025	4361/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	50.000	50.000	8.000	8.000	1.500	1.500	8.000	8.000	8.000	8.000	50.000	8.000	17.000		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28				
F	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ						120.000	120.000	34.200	34.200	15.360	15.360	34.200	34.200	34.200	34.200	120.000	34.200	25.800					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
l	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Kinh tế Hòn La	B	Quảng Trạch		2022-2025	4550/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	120.000	120.000	34.200	34.200	15.360	15.360	34.200	34.200	34.200	34.200	120.000	34.200	25.800					
G	LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG						210.000	210.000	33.600	33.600	4.400	4.400	33.600	33.600	33.600	33.600	210.000	33.600	71.400					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
a	Dự án nhóm B																							
l	Dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	B	Toàn tỉnh		2022-2025	4646/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	210.000	210.000	33.600	33.600	4.400	4.400	33.600	33.600	33.600	33.600	210.000	33.600	71.400					



Phụ lục 02
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023 TỈNH QUẢNG BÌNH
 (Kèm theo tờ trình số 109/TT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	2	3	Quyết định đầu tư		7	TMDT			Kế hoạch vốn NSTW			Năm 2022			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 30/9/2022			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Dự giao các năm 2021, 2022				Dự kiến KH vốn NSTW năm 2023			Ghi chú																		
			Số quyết định	Trong đó:		Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Trong đó:		Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Trong đó:		Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: Dự giao các năm 2021, 2022	Trong đó:		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)																						
				Tổng số (từ các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy định ra tiền Việt					Tổng số	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài	Tổng số			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài				Tổng số	Tăng số	Thu hút các khoản vốn ứng		Chuyển từ đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Tăng số	Thu hút các khoản vốn ứng	Chuyển từ đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)								
										Dựa vào	Trong đó:																																Dựa vào	Trong đó:	Dựa vào	Trong đó:	Dựa vào	Trong đó:	Dựa vào	Trong đó:
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38													
TỔNG SỐ																																																		
1	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2	1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020; 4503/QĐ-UBND 27/11/2020; 1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018	234.378	-	-	10,139 triệu USD	234.378	187.502	46.876	85.263	-	85.263	3.687	-	3.687	35.009	-	35.009	187.502	-	-	-	187.502	89.323	-	-	-	-	89.323	62.774	-	-	62.774																	
2	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tại tỉnh Quảng Bình	3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 và 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	501.959	98.031	21.282		403.928	363.350	40.578	60.890	-	60.890	16.560	-	16.560	53.300	-	53.300	162.266	-	-	-	162.266	62.172	-	-	-	62.172	100.094	-	-	100.094																		
3	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 1769/QĐ-UBND 30/5/2018	974.025	259.650	141.620	31.75	714.375	487.125	227.250	200.000	#####	185.000	125.085	219	124.866	118.000	####	113.000	557.163	#####	-	-	-	460.543	407.919	####	-	-	327.919	149.244	16.620	-	132.624																	
4	Dự án can thiệp thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	347.067	117.067		10 triệu USD	230.000	81.733	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	81.733	-	-	-	81.733	5.000	-	-	-	5.000	28.462	-	-	28.462																			
5	Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phố tỉnh Quảng Bình	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 1119/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	174.339	35.686	25.000	6.100.000	138.653	83.192	55.461	30.000	####	25.000	13.856	-	13.856	29.328	####	25.000	108.192	#####	-	-	83.192	49.422	####	-	-	37.422	33.246	5.000	-	28.246																		
6	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch (giai đoạn 2)	1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	417.070	54.190		13.693.720	362.880	217.730	145.150	5.514		5.514	-	-	-	-	-	212.216	-	-	-	212.216	5.514	-	-	-	5.514	48.750	-	-	48.750																			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

“Dự thảo”

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn
ngân sách Trung ương năm 2023 tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 5035/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2023; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2023 như sau:

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2023 dự kiến là: 1.852.685 triệu đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 1.451.735 triệu đồng;
- Vốn nước ngoài: 400.950 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Phụ lục 01

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2022				Đã bỏ tri vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28	
TỔNG SỐ							7.073.142	6.223.142	1.963.833	1.663.833	1.056.459	853.059	1.989.533	1.689.533	2.516.723	2.166.627	6.016.129	2.603.923	1.430.115		
A NGÀNH GIAO THÔNG							5.917.307	5.097.307	1.729.233	1.429.233	930.160	726.760	1.734.933	1.434.933	2.222.123	1.872.027	4.930.294	2.247.123	1.060.280		
I Thực hiện dự án																					
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																				
1	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm Thành phố Đồng Hới	B	Đồng Hới		2021-2024	2346/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	100.000	100.000	39.000	39.000	30000	30000	39.000	39.000	69.900	69.900	100.000	69.900	30.100		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																				
a Dự án nhóm A																					
1	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	A	Toàn tỉnh		2021-2026																
-	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	A	Toàn tỉnh		2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	2.200.000	1.650.000	950.000	700.000	312192	312192	950.000	700.000	1.206.983	906.887	1.962.987	1.206.983	240.000		
-	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	A	Toàn tỉnh		2021-2026		1.300.000	1.050.000	150.000	100.000	5.500	5.500	150.000	100.000	150.000	100.000	550.000	150.000	200.000		
b Dự án nhóm B																					
1	Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	B	Minh Hóa		2021-2024	2254/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	15.000	15.000	30.900	30.900	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000		
2	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Trường Xuân đi xã Trường Sơn huyện Quảng Ninh (giai đoạn 1)	B	Quảng Ninh		2021-2024	2364/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	23200	23200	29.000	29.000	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000		
3	Đường từ Tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1).	B	Bố Trạch		2021-2024	2402/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	18.000	18.000	30.900	30.900	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000		
4	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	B	Ba Đồn		2021-2024	2315/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	100.000	100.000	29.000	29.000	17.400	17.400	30.900	30.900	59.900	59.900	100.000	59.900	16.000		
5	Đường nối từ Quốc lộ 1A đến Quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	B	Lệ Thủy		2021-2024	2318/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	210.000	210.000	70.917	70.917	38.323	38.323	70.917	70.917	104.746	104.746	210.000	104.746	52.754		
6	Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A.	B	Quảng Trạch		2021-2024	2319/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	210.000	210.000	63.100	63.100	44.170	44.170	63.100	63.100	104.778	104.778	210.000	104.778	52.722		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28				
7	Tuyến đường liên xã phía Tây thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	B	Tuyên Hóa		2021-2024	2314/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	170.000	170.000	54.000	54.000	43.963	43.963	54.000	54.000	84.900	84.900	170.000	84.900	42.600					
8	Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	B	Đồng Hới		2022-2025	4292/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	160.000	160.000	25.600	25.600	20.480	20.480	25.600	25.600	25.600	25.600	160.000	25.600	54.400					
9	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới	B	Đồng Hới		2022-2025	4561/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	200.000	200.000	42.000	42.000	5.000	5.000	42.000	42.000	42.000	42.000	200.000	42.000	58.000					
10	Tuyến đường kết nối từ đường ven biển đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, huyện Bố Trạch	B	Bố Trạch		2022-2025	4560/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	180.000	180.000	38.800	38.800	28.500	28.500	38.800	38.800	38.800	38.800	180.000	38.800	51.200					
11	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	B	Lệ Thủy		2022-2025	4463/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	140.000	140.000	29.400	29.400	22.400	22.400	29.400	29.400	29.400	29.400	140.000	29.400	40.600					
12	Hạ tầng tuyến đường chính từ Trung tâm huyện Quảng Trạch kết nối với Tỉnh lộ 22	B	Quảng Trạch		2022-2025	4086/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	110.000	110.000	17.600	17.600	15.840	15.840	17.600	17.600	17.600	17.600	110.000	17.600	37.400					
13	Hạ tầng Tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trực chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	B	Ba Đồn		2022-2025	3738/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	130.000	110.000	17.600	17.600	12.672	12.672	17.600	17.600	17.600	17.600	130.000	17.600	37.400					
14	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng tuyến đường tỉnh lộ 559 đoạn từ xã Quảng Lộc đi xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn	B	Ba Đồn		2022-2025	3743/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	100.000	100.000	41.000	41.000	11.520	11.520	41.000	41.000	16.000	16.000	100.000	41.000	19.667	9.000				
15	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	B	Đồng Hới, Quảng Ninh		2022-2025	4629/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	150.000	49.000	49.000	40.000	40.000	49.000	49.000	49.000	49.000	150.000	49.000	26.000					
16	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	B	Quảng Ninh		2022-2025	506/QĐ-UBND ngày 24/2/2022	157.307	157.307	25.216	25.216	226.000	22.600	25.216	25.216	25.216	25.216	157.307	25.216	53.438					
B	NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						350.000	350.000	93.200	93.200	63.459	63.459	113.200	113.200	153.200	153.200	310.000	191.400	105.400					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																							
	Dự án nhóm B																							
1	Kê biên Hải Thành-Quang Phú, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 2)	B	Đồng Hới		2020-2023	1833/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	100.000	100.000	15.000	15.000	10.000	10.000	35.000	35.000	75.000	75.000	60.000	35.000	25.000					
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
1	Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	B	Toàn tỉnh		2022-2025		250.000	250.000	78.200	78.200	53.459	53.459	78.200	78.200	78.200	78.200	250.000	78.200	80.400					

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28				
-	Dự án thành phần 1: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dôi, xã Trung Hòa, huyện Minh Hóa	C	Minh Hóa		2022-2025	4625/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	85.000	85.000	22.700	22.700	6.200	6.200	22.700	22.700	22.700	22.700	85.000	22.700	19.800					
-	Dự án thành phần 2: Sửa chữa hồ Nước Sốt và hồ Khe Mái huyện Quảng Trạch		Quảng Trạch		2022-2024	4563/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	30.000	30.000	10.000	10.000	8.600	8.600	10.000	10.000	10.000	10.000	30.000	10.000	11.000					
-	Dự án thành phần 3: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê, đập Hới Trường, thị xã Ba Đồn		Ba Đồn		2022-2024	4626/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	25.000	25.000	8.500	8.500	6.120	6.120	8.500	8.500	8.500	8.500	25.000	8.500	9.000					
-	Dự án thành phần 4: Sửa chữa, nâng cấp 02 hồ Bầu Trạng xã Cự Năm và Trọt Hóp xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch		Bố Trạch		2022-2024	4634/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	21.000	21.000	7.300	7.300	6.500	6.500	7.300	7.300	7.300	7.300	21.000	7.300	7.000					
-	Dự án thành phần 5: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Nghê, huyện Bố Trạch		Bố Trạch		2022-2024	4297/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	30.000	30.000	10.000	10.000	8.339	8.339	10.000	10.000	10.000	10.000	30.000	10.000	12.000	10.000				
-	Dự án thành phần 6: Sửa chữa, nâng cấp hồ Điều Gà và hồ Long Đại (hồ Tróm), huyện Quảng Ninh		Quảng Ninh		2022-2024	4300/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	30.000	30.000	10.000	10.000	8.000	8.000	10.000	10.000	10.000	10.000	30.000	10.000	11.000					
-	Dự án thành phần 7: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ chứa nước Cổ Hự, Ô Rô và Văn Minh, huyện Lệ Thủy		Lệ Thủy		2022-2024	4378/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	29.000	29.000	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	29.000	9.700	10.600					
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA						35.835	35.835	8.000	8.000	1.000	1.000	8.000	8.000	8.000	8.000	35.835	8.000	27.835					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																							
a	Dự án nhóm B																							
1	Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn 1	C	Lệ Thủy		2020-2023	1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; 1999/QĐ-UBND ngày 16/6/2020; 4298/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	35.835	35.835	8.000	8.000	1.000	1.000	8.000	8.000	8.000	8.000	35.835	8.000	27.835					
D	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						150.000	150.000	24.000	24.000	18.080	18.080	24.000	24.000	24.000	24.000	150.000	24.000	51.000					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
	Dự án nhóm B																							
1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	B	Đồng Hới		2022-2025	4301/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	150.000	150.000	24.000	24.000	18.080	18.080	24.000	24.000	24.000	24.000	150.000	24.000	51.000					
E	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH						290.000	260.000	41.600	41.600	24.000	24.000	41.600	41.600	41.600	41.600	260.000	41.600	88.400					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao		Dự kiến kế hoạch 2023 nguồn NSTW	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	24	28				
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	B	Đồng Hới		2022-2025	4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	240.000	210.000	33.600	33.600	22.500	22.500	33.600	33.600	33.600	33.600	210.000	33.600	71.400					
2	Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	B	Tuyên Hóa		2022-2025	4361/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	50.000	50.000	8.000	8.000	1.500	1.500	8.000	8.000	8.000	8.000	50.000	8.000	17.000					
F	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ						120.000	120.000	34.200	34.200	15.360	15.360	34.200	34.200	34.200	34.200	120.000	34.200	25.800					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
1	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Kinh tế Hòn La	B	Quảng Trạch		2022-2025	4550/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	120.000	120.000	34.200	34.200	15.360	15.360	34.200	34.200	34.200	34.200	120.000	34.200	25.800					
G	LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG						210.000	210.000	33.600	33.600	4.400	4.400	33.600	33.600	33.600	33.600	210.000	33.600	71.400					
I	Thực hiện dự án																							
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
a	Dự án nhóm B																							
1	Dự án chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	B	Toàn tỉnh		2022-2025	4646/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	210.000	210.000	33.600	33.600	4.400	4.400	33.600	33.600	33.600	33.600	210.000	33.600	71.400					

